

Số: /KH-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai Quyết định số 4765/QĐ-BNN-TT ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Quyết định số 4765/QĐ-BNN-TT ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030; xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 279/TTr-SNN ngày 29 tháng 01 năm 2024; Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM - MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung phù hợp với Chương trình phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời bảo đảm truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm rau nhằm phục vụ nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu.

- Rà soát, định hướng phát triển các vùng sản xuất rau an toàn trên cơ sở khai thác hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, lợi thế về khoa học, công nghệ của Thành phố; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, nâng cao hiệu quả sử dụng đất nhằm tăng trưởng ổn định trong bối cảnh diện tích đất nông nghiệp đang có xu hướng giảm, đồng thời góp phần đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn Thành phố.

- Ưu tiên phát triển các vùng nghiên cứu, sản xuất giống rau, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ mới, công nghệ tiên tiến trong quá trình sản xuất gắn với sơ chế, chế biến và thị trường tiêu thụ; huy động tham gia của các thành phần kinh tế, đặc biệt là thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; hình thành và phát triển các chuỗi giá trị sản xuất của một số sản phẩm rau trên địa bàn Thành phố.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm và hiệu quả sản xuất; góp phần phát triển ngành nông nghiệp Thành phố theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025:

+ Diện tích canh tác rau là 3.000 ha (diện tích gieo trồng 15.280 ha), tập trung tại huyện Củ Chi, Bình Chánh, Hóc Môn; sản lượng ước đạt 446 ngàn tấn, trong đó sản lượng rau phục vụ chế biến 14 - 18 ngàn tấn (chiếm khoảng 3,0 - 4,0% tổng sản lượng rau).

+ Hàng năm chuyển giao 3 - 4 giống rau mới phù hợp với điều kiện phát triển nông nghiệp đô thị tại Thành phố, cung cấp cho thị trường 400 - 500 tấn hạt giống rau các loại, đáp ứng cho 560.000 - 700.000 ha gieo trồng.

+ Tỷ lệ diện tích rau an toàn, tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc đạt 15 - 20% tổng diện tích gieo trồng rau của Thành phố;

+ Diện tích canh tác ứng dụng công nghệ cao đạt 540 - 600 ha (chiếm tỷ lệ 18 - 20% tổng diện tích sản xuất rau); diện tích sản xuất rau hữu cơ đạt khoảng 10 - 15 ha.

+ Giá trị sản xuất bình quân thu được trên 01 ha đất trồng rau đạt bình quân 700 - 750 triệu đồng/năm, giá trị sản lượng rau ứng dụng công nghệ cao chiếm 40 - 50% tổng giá trị rau.

+ Hỗ trợ xây dựng và phát triển 2 - 4 chuỗi giá trị ngành hàng rau tiêu thụ tại Thành phố.

+ Trên 95% số mẫu rau sản xuất tại Thành phố được thanh, kiểm tra đạt tiêu chuẩn an toàn.

- Đến năm 2030:

+ Diện tích canh tác rau là 2.500 ha (diện tích gieo trồng 12.900 ha), tập trung tại huyện Củ Chi, Bình Chánh, Hóc Môn; sản lượng ước đạt 387 ngàn tấn, trong đó sản lượng rau phục vụ chế biến 15 - 20 ngàn tấn (chiếm khoảng 4 - 5% tổng sản lượng rau).

+ Hàng năm chuyển giao 5 - 6 giống rau mới phù hợp với điều kiện phát triển nông nghiệp đô thị tại Thành phố, cung cấp cho thị trường 850 - 950 tấn hạt giống rau các loại, đáp ứng cho 1.200.000 - 1.500.000 ha gieo trồng.

+ Tỷ lệ diện tích rau an toàn, tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc đạt 30 - 40% tổng diện tích gieo trồng rau của Thành phố;

+ Diện tích canh tác ứng dụng công nghệ cao đạt 1.000 - 1.250 ha (chiếm tỷ lệ 40 - 50% tổng diện tích sản xuất rau); diện tích sản xuất rau hữu cơ đạt khoảng 15 - 20 ha.

+ Giá trị sản xuất bình quân thu được trên 01 ha đất trồng rau đạt bình quân 800 - 850 triệu đồng/năm, giá trị sản lượng rau ứng dụng công nghệ cao chiếm 60 - 70% tổng giá trị rau.

+ Hỗ trợ xây dựng và phát triển 4 - 6 chuỗi giá trị ngành hàng rau tiêu thụ tại Thành phố.

+ Phân đấu 100% số mẫu rau sản xuất tại Thành phố được thanh, kiểm tra đạt tiêu chuẩn an toàn.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về tổ chức sản xuất

a) Phát triển các vùng sản xuất tập trung, ổn định gắn với nghiên cứu sản xuất giống, ứng dụng công nghệ cao, liên kết sản xuất

- Đến năm 2030, diện tích canh tác rau là 2.500 ha (diện tích gieo trồng 12.900 ha), tại các vùng tập trung trên các địa bàn trọng điểm. Cụ thể:

+ Huyện Củ Chi: phát triển sản xuất tập trung với diện tích 1.700 ha, tập trung tại các xã Tân Phú Trung, Bình Mỹ, Nhuận Đức, An Nhơn Tây, Thái Mỹ, Trung Lập Thượng, Trung Lập Hạ, Phước Thạnh, Tân Thạnh Đông, Phước Vĩnh An, Phạm Văn Cội, Phú Mỹ Hưng.

+ Huyện Bình Chánh: phát triển sản xuất với diện tích 500 ha, tập trung tại các xã Tân Quý Tây, Quy Đức, Hưng Long, Tân Nhựt.

+ Huyện Hóc Môn: phát triển sản xuất với diện tích 300 ha, tập trung tại các xã Xuân Thới Thượng, Xuân Thới Sơn, Nhì Bình, Đông Thạn, Thới Tam Thôn.

- Chủnng loại đưcc sản xuất gồm các loại rau họ thập tự, họ bầu bí, họ đậu, họ cà, rau muống, rau gia vị, v.v....

b) Về tổ chức liên kết sản xuất, xây dựng chuỗi giá trị

- Liên kết, phát triển các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh, tập trung trên địa bàn Thành phố hoặc hình thành các vùng nguyên liệu tại các tỉnh gần với cơ sở chế biến, phân phối tiêu thụ tại Thành phố.

- Đẩy mạnh việc hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm rau giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân. Trong đó, thể hiện sự gắn kết theo chuỗi từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sản xuất, sơ chế, chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm.

- Củng cố và phát triển hình thức hợp tác bằng cách tạo điều kiện, hỗ trợ thành lập và phát triển các hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất, tiêu thụ, chế biến rau an toàn.

2. Về khoa học và công nghệ

a) Nghiên cứu, phát triển sản xuất giống

- Tiếp tục sưu tập, chọn tạo, phục tráng, lai tạo các giống rau có năng suất, chất lượng phù hợp với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp đô thị tại Thành phố và các tỉnh.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong nghiên cứu, sản xuất hạt giống, cây giống có giá trị cao, khả năng chống chịu tốt với sâu bệnh hại.

b) Chuyển giao kỹ thuật canh tác, sơ chế, chế biến và bảo quản

- Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyển giao khoa học công nghệ về quy trình sản xuất an toàn gắn với truy xuất nguồn gốc; sơ chế chế biến, bảo quản rau nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất rau an toàn, quy trình sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao, quy trình sản xuất rau hữu cơ, quy trình canh tác bền vững, tuần hoàn theo hướng hạn chế sử dụng hóa chất vô cơ, tăng cường sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hữu cơ, vi sinh; chế tạo hoặc mua bản quyền công nghệ mới trong sơ chế, bảo quản, chế biến rau nhằm nâng cao giá trị gia tăng.

- Xây dựng, chuyển giao khoa học kỹ thuật thông qua các mô hình sản xuất rau trong nhà lưới, nhà màng ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa; sản xuất hữu cơ gắn với truy xuất nguồn gốc; ưu tiên chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ mới, công nghệ số trong quản trị, sản xuất và tiêu thụ rau an toàn

- Xây dựng các mô hình thí điểm chuỗi giá trị sản xuất rau tại Thành phố và liên kết với các vùng nguyên liệu tại các tỉnh lân cận.

- Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (HACCP, ISO, GMP, GAP,..v.v..) trong các cơ sở sản xuất, sơ chế, biến rau để đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và nâng cao tính cạnh tranh.

- Thực hiện từng bước chuyển đổi số trong sản xuất rau dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu về đất đai, cây trồng, môi trường, thời tiết để hiệu quả quản lý sản xuất.

- Xây dựng, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc rau trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

3. Về công tác xúc tiến thương mại

- Tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức, tư duy quản lý về phát triển thị trường nông sản.

- Nâng cao hiệu quả công tác thông tin, dự báo ngắn và trung hạn thị trường trong và ngoài nước về nông sản và vật tư nông nghiệp giúp người nông dân, doanh nghiệp định hướng trong tổ chức sản xuất.

- Đối với thị trường trong nước:

+ Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu rau an toàn, gắn với mã số vùng trồng, chỉ dẫn địa lý.

+ Duy trì các chợ phiên nông sản an toàn, phiên chợ Xanh - Tủi tế và các phiên chợ nông nghiệp khác nhằm quảng bá, giới thiệu các sản phẩm OCOP, hữu cơ, VietGAP trên địa bàn Thành phố.

+ Đẩy mạnh các hoạt động kết nối, triển lãm, quảng bá, xúc tiến thương mại để người tiêu dùng trong nước có đủ thông tin về sản phẩm; đa dạng hóa các kênh phân phối rau an toàn phù hợp, có hiệu quả.

- Đối với thị trường xuất khẩu:

+ Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến đến các tổ chức, cá nhân về quy định mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói xuất khẩu; quy định của các nước nhập khẩu nông sản như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU v.v... để tạo điều kiện tiếp cận các thị trường này.

+ Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân duy trì việc đáp ứng quy định của các thị trường đã xuất khẩu rau, đồng thời thông tin các thị trường mới có tiềm năng.

4. Về công tác quản lý nhà nước

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách liên quan đến phát triển sản xuất rau an toàn: chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp; chính sách phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ; chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã; chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố.

- Định kỳ kiểm tra, đánh giá điều kiện sản xuất rau an toàn, làm cơ sở khuyến cáo xác định vùng sản xuất tập trung, ổn định.

- Thường xuyên thanh, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp (giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật); thanh, kiểm tra các quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm trên rau tại vùng sản xuất, sơ chế, phân phối và lưu thông.

- Thiết lập và phát triển hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm rau từng công đoạn sản xuất, chế biến và tiêu thụ; cấp, quản lý mã vùng trồng, cơ sở đóng gói rau trên địa bàn Thành phố phục vụ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

5. Về đầu tư tăng cường năng lực

- Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất rau toàn theo hướng xã hội hóa, trong đó nguồn lực chính là doanh nghiệp và người dân. Hộ nông dân đầu tư hình thành vùng sản xuất rau tập trung; hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết các hộ, doanh nghiệp đầu tư cơ sở sơ chế, bảo quản rau; doanh nghiệp đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu, nhà máy sơ chế, chế biến sản phẩm.

- Ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tham quan, học tập các mô hình sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao hiệu quả trong và ngoài nước; đầu tư cơ sở hạ tầng thủy lợi, giao thông, điện, v.v....

- Tranh thủ các nguồn viện trợ, các dự án nước ngoài trong việc xây dựng chuỗi giá trị, chương trình xúc tiến thương mại, triển lãm, hội thảo quốc tế nhằm quảng bá, mở rộng thị trường xuất khẩu.

6. Về hợp tác trong nước và quốc tế

- Đẩy mạnh hợp tác liên kết vùng trong việc xây dựng vùng nguyên liệu, sơ chế gắn với chế biến, tiêu thụ.

- Tăng cường hợp tác các Viện, trường, trung tâm nghiên cứu trong và ngoài nước về nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học về giống, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Hợp tác, phát huy vai trò các Hội ngành nghề nông nghiệp, các Hiệp hội thương mại trong công tác tư vấn quản lý và phát triển chuỗi liên kết, xúc tiến thương mại.

- Tăng cường hợp tác với các nước, tổ chức quốc tế về sưu tập, trao đổi nguồn gen cây rau; khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực sản xuất giống, sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao, dây chuyền sơ chế, chế biến rau.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện

Các Sở ban ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công theo Kế hoạch này và căn cứ chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền đề hàng năm xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị, địa phương gửi cơ quan có thẩm quyền tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí theo phân cấp ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

2. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

- Nguồn xã hội hóa của các doanh nghiệp, nguồn vốn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành Thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên gia khoa học công nghệ về quy trình sản xuất an toàn gắn với truy xuất nguồn gốc; sơ chế chế biến, bảo quản rau nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Nghiên cứu, phát triển sản xuất giống rau có năng suất, chất lượng phù hợp với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp đô thị tại Thành phố và các tỉnh.

- Chuyên giao quy trình kỹ thuật sản xuất rau an toàn theo VietGAP, GlobalGAP, quy trình sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao, quy trình sản xuất rau hữu cơ, quy trình canh tác bền vững, khoa học công nghệ mới, công nghệ số trong quản trị, sản xuất và tiêu thụ rau an toàn.

- Xây dựng, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc, mã vùng trồng, mã cơ sở đóng gói rau trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Thực hiện từng bước chuyển đổi số trong sản xuất rau dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu về đất đai, cây trồng, môi trường, thời tiết để hiệu quả quản lý sản xuất.

- Phối hợp thực hiện công tác xúc tiến thương mại sản phẩm rau, đặc biệt rau đạt chứng nhận hữu cơ GAP, OCOP.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách liên quan đến phát triển sản xuất rau an toàn.

- Thực hiện thanh, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp (giống cây trồng, phân bón, vật tư nông nghiệp); định kỳ kiểm tra, đánh giá điều kiện sản xuất rau an toàn, làm cơ sở khuyến cáo xác định vùng sản xuất tập trung, ổn định.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên rau và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Đẩy mạnh liên kết vùng, hợp tác trong và ngoài nước trong triển khai phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ.

- Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12), tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch của các Sở ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện (báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 10/12); kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch.

2. Giao Sở An toàn Thực phẩm

- Tổ chức tập huấn, phổ biến quy định pháp luật về an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản rau gắn với truy xuất nguồn gốc.

- Tiếp tục triển khai Đề án xây dựng mô hình thí điểm quản lý an toàn thực phẩm theo Chuỗi thực phẩm an toàn được triển khai trên địa bàn Thành phố và các tỉnh, thành có nguồn nông sản, thực phẩm cung ứng cho Thành phố Hồ Chí Minh.

- Vận động các cơ sở sơ chế, biến rau áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (HACCP, ISO, GMP, GAP, .v.v...) đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và nâng cao tính cạnh tranh.

- Thực hiện công tác thanh, kiểm tra các quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm trên rau trên địa bàn Thành phố.

3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch này. Tập trung các nội dung là phối hợp nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, triển khai các chính sách về nông nghiệp, cân đối nguồn vốn, công tác liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện

- Xác định các vùng rau sản xuất tập trung, ổn định gắn với ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn; đồng thời xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách liên quan đến phát triển sản xuất rau an toàn trên địa bàn.

- Thực hiện từng bước chuyển đổi số trong sản xuất rau tại địa bàn dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu về đất đai, cây trồng, môi trường, thời tiết để hiệu quả quản lý sản xuất.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) thực hiện thanh, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp (giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật); định kỳ kiểm tra, đánh giá điều kiện sản xuất rau an toàn trên địa bàn quận/huyện/thành phố.

- Phối hợp Sở An toàn thực phẩm thực hiện công tác thanh, kiểm tra các quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm trên rau tại vùng sản xuất, sơ chế, phân phối và lưu thông trên địa bàn quận/huyện/thành phố.

4. Giao Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao

Nghiên cứu, phát triển sản xuất giống rau có năng suất, chất lượng phù hợp với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp đô thị tại Thành phố và các tỉnh; nghiên cứu, đào tạo, tập huấn, chuyển giao quy trình kỹ thuật sản xuất rau an toàn, quy trình sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao, quy trình sản xuất rau hữu cơ, quy trình canh tác bền vững, khoa học công nghệ mới, công nghệ số trong quản trị, sản xuất và tiêu thụ rau an toàn; xây dựng các chuỗi giá trị cho các sản phẩm rau an toàn.

5. Đề nghị Hội Nông dân Thành phố, Hội Ngành nghề Nông nghiệp Thành phố

Chỉ đạo đoàn thể cơ sở tích cực phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và địa phương tuyên truyền, phổ biến, vận động nông dân, hộ sản xuất, kinh doanh rau an toàn.

6. Giao các Viện, trường, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố

a) Đề xuất, tham gia các đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thực hiện giải pháp, chính sách đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản trị, sản xuất, sơ chế biến và tiêu thụ rau an toàn.

b) Các doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các quy định của nhà nước về sản xuất, kinh doanh rau an toàn gắn với truy xuất nguồn gốc; đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; phát huy vai trò trung tâm, liên kết với các hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân cung cấp vật tư đầu vào, thu gom, tiêu thụ sản phẩm rau hình thành chuỗi giá trị bền vững, hiệu quả.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 4765/QĐ-BNN-TT ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan, phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ NN và PTNT;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Văn phòng Thành ủy;
- Các Sở, ban ngành Thành phố;
- UBND thành phố Thủ Đức và các Q - H;
- VPUB: CVP, PCVP/KT;
- Phòng KT;
- Lưu VT (KT/Linh)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

Phụ lục
CÁC CHỈ TIÊU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG
RAU AN TOÀN, TẬP TRUNG, BẢO ĐẢM TRUY XUẤT NGUỒN GỐC
GẮN VỚI CHẾ BIẾN VÀ THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND
ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	Diện tích canh tác rau (ha)	3.517	3.000	2.500
	Diện tích canh tác ứng dụng công nghệ cao (ha)	462	540 - 600	1.000 - 1.250
	Diện tích gieo trồng rau (ha)	21.750	15.280	12.900
	Tỷ lệ diện tích sản xuất rau an toàn tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc (%) trong tổng diện tích rau tại Thành phố	-	15 - 20	30
	Diện tích rau hữu cơ (ha)	6	10 - 15	15 - 20
2	Sản lượng rau (tấn)	627.000	446.000	387.000
	Trong đó: tỷ lệ rau phục vụ chế biến (%)	-	3,0 - 4,0	4,0 - 5,0
3	Giống rau:			
	- Hàng năm chuyển giao giống mới cho sản xuất (giống)	2	3 - 4	5 - 6
	- Sản lượng giống cung cấp cho thị trường (tấn)	212,7	400 - 500	850 - 950
4	Giá trị sản xuất bình quân/ha/năm (triệu đồng/ha/năm)	680 - 700	750 - 800	850 - 1.000
	Trong đó: giá trị sản lượng rau công nghệ cao (%)		40 - 50	60 - 70
5	Hỗ trợ xây dựng và phát triển chuỗi ngành hàng rau	-	2 - 4	4 - 6
5	Tỷ lệ số mẫu rau kiểm tra đạt tiêu chuẩn an toàn (%)		>95	100